

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14/10/2019
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiền

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ngô Thùy Tr**, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Tạm trú: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Lê Ngọc T**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thùy Tr trình bày: Chị và anh Lê Ngọc T kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang, chị và anh T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Con chung: Có 02 cháu tên Lê Yến N, sinh ngày 01/12/2001 và Lê Ngọc S, sinh ngày 11/3/2003, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Ngọc T trình bày: Anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr, lý do anh còn thương vợ, không muốn con thiếu tình thương của cha, mẹ.

Con chung: Nếu Tòa án cho ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa phát biểu về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Tr ly hôn với anh T, giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi, chị Tr không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thùy Tr có đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Lê Ngọc T, yêu cầu nuôi con. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con”. Do bị đơn có đăng ký hộ khẩu tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên là hôn nhân hợp pháp. Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T thì không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, không muốn hai con thiếu tình thương của cha mẹ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Tr và anh T trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, vì anh chị ly thân đến nay đã hơn một năm. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr cương quyết ly hôn, mặc dù anh T không đồng ý nhưng anh cũng không có biện pháp để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Điều này chứng tỏ anh chị không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Trang. Do chị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do nên Hội Đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị Tr và anh T.

[3] Con chung: Chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị Tr và anh T thỏa thuận được việc giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi, chị Tr không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật cũng như không trái với đạo đức xã hội. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 13/8/2019 thì hiện tại hai cháu Yến N và Ngọc S đang ở với anh T, chị Tr đã bỏ nhà đi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao cháu Yến N và Ngọc S cho anh T trực tiếp nuôi, chị Tr không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh T chưa có yêu cầu.

[4] Tài sản chung: Chị Tr và anh T thống nhất sẽ tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Không có.

[6] Án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thùy Tr.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thùy Tr được ly hôn với anh Lê Ngọc T.

2. Con chung: Giao hai cháu Lê Yến N, sinh ngày 01/12/2001 và Lê Ngọc S, sinh ngày 11/3/2003 cho anh Lê Ngọc T trực tiếp nuôi.

Chị Ngô Thùy Tr có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Chị Ngô Thùy Tr phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16753 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, như vậy chị Ngô Thùy Tr đã thi hành xong phần án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Phụng